

CONSULAR FEES

LỆ PHÍ LÃNH SỰ

(In accordance with Circulate No. 134/TT-BTC dated December 31,
2004 issued by the Ministry of Finance of the S.R. Vietnam
Theo Thông tư 134 ngày 31/12/2004 của Bộ tài Chính Việt Nam)

NO.	CATEGORY	RATE* (USD)	RATE* (BAHT)
A	<u>PASSPORT AND VISA FEE</u> LỆ PHÍ CẤP HỘ CHIẾU VÀ THỊ THỰC		
1	PASSPORT HỘ CHIẾU		
	ISSUANCE OF NEW PASSPORT CẤP HỘ CHIẾU MỚI	50	2000
	PASSPORT EXTENSION GIA HẠN HỘ CHIẾU	20	800
	AMENDMENT, ATTACHING CHILD'S PHOTO BỔ SUNG, DÁN ANH TRẺ EM VÀO HỘ CHIẾU	10	400
	PASSPORT REISSUING CẤP LẠI HỘ CHIẾU	100	4000
2	TRAVEL DOCUMENT GIẤY THÔNG HÀNH		
	A) TRAVEL DOCUMENT GIẤY THÔNG HÀNH		
	ISSUANCE OF NEW TRAVEL DOCUMENT CẤP GIẤY THÔNG HÀNH	20	800
	TRAVEL DOCUMENT EXTENSION GIA HẠN GIẤY THÔNG HÀNH	10	400
	REISSUING TRAVEL DOCUMENT (DUE TO LOST OR DAMAGED) CẤP LẠI GIẤY THÔNG HÀNH (DO HỎNG HOẶC MẤT)	30	1200
	B) TRAVEL DOCUMENT FOR REPATRIATION GIẤY THÔNG HÀNH HỒI HƯƠNG		
	ISSUANCE OF NEW TRAVEL DOCUMENT CẤP GIẤY THÔNG HÀNH	100	4000
	REISSUING TRAVEL DOCUMENT (DUE TO LOST OR DAMAGED) CẤP LẠI GIẤY THÔNG HÀNH (DO HỎNG HOẶC MẤT)	120	4800
3	VISAS THỊ THỰC CÁC LOẠI		
	A) SINGLE ENTRY (TRANSIT) THỊ THỰC NHẬP CẢNH, NHẬP XUẤT CẢNH , QUÁ CẢNH 1 LẦN	25	1000
	B) MULTIPLE ENTRIES VISA THỊ THỰC NHẬP XUẤT CẢNH NHIỀU LẦN		
	- VALID LESS THAN ONE MONTH LOẠI CÓ GIÁ TRỊ DƯỚI 1 THÁNG	40	1600
	- VALID LESS THAN SIX MONTHS LOẠI CÓ GIÁ TRỊ DƯỚI 6 THÁNG	70	2800
	- VALID FROM SIX MONTHS TO ONE YEAR LOẠI CÓ GIÁ TRỊ TỪ 6 THÁNG ĐẾN 01 NĂM	100	4000

	C) TRANSFER VISA ONTO NEW PASSPORT CHUYỂN THỊ THỰC SANG HỘ CHIẾU MỚI	10	400
4	STAMP AB (USED FOR ORDINARY PASSPORT ON OFFICIAL TRIP) TEM AB (CẤP CHO HỘ CHIẾU PHỔ THÔNG ĐI VIỆC CÔNG)	10	400
B	OTHER FEES CÁC LỆ PHÍ KHÁC		
1	CONTRACT CERTIFICATION CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG	50	2000
2	CERTIFICATION OF WILL, LETTER OF AUTHORIZATION, COPY, PHOTOCOPY OF ORRIGINAL DOCUMENT, TRANSLATION CHỨNG THỰC DI CHỨC, THƯ ỦY QUYỀN, TRÍCH TÀI LIỆU, BẢN SAO, CHỤP, BẢN DỊCH	5	200
3	LEGALIZATION HỢP PHÁP HOÁ GIẤY TỜ, TÀI LIỆU	5	200
4	TRANSFER OF DOCUMENT IN LEGAL AUTHORIZATION, VERIFICATION OF DOCUMENT (EXCLUDING FEE FOR DELIVERY) NHẬN CHUYỂN HỒ SƠ VỀ ỦY THÁC TƯ PHÁP, XÁC MINH GIẤY TỜ TÀI LIỆU (KHÔNG KỂ TIỀN CƯỚC PHÍ)	15	600
5	ISSUANCE OR CERTIFICATION OF DOCUMENT CONCERNING SHIP, AIRCRAFT AND OTHER TRANSPORTATION MEANS CẤP VÀ CHỨNG THỰC CÁC LOẠI GIẤY TỜ VÀ TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN TÀU THUỶ, MÁY BAY VÀ CÁC LOẠI PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG KHÁC	10	400
6	FILING FOR INHERITANCE MATTERS LẬP HỒ SƠ LÀM THỦ TỤC NHẬN THỪA KẾ		
	A) ACCEPTANCE OF WILL FOR PRESEVATION; ANNOUNCEMENT OF WILL; CERTIFICATION OF INHERITANCE DISPOSAL AGREEMENT, INHERITANCE ACCEPTANCE, INHERITQNCCE REFUSAL DOCUMENTS NHẬN LƯU GIỮ DI CHỨC, CÔNG BỐ DI CHỨC, CÔNG CHỨNG VĂN BẢN THỎA THUẬN PHÂN CHIA TÀI SẢN, CÔNG CHỨNG VĂN BẢN THỎA THUẬN KHAI NHẬN DI SẢN, CÔNG CHỨNG VĂN BẢN TỪ CHỐI DI SẢN	10	400
	B) INHERITANCE PROPERTY VALUED LESS THAN 1000USD THỪA KẾ TÀI SẢN CÓ GIÁ TRỊ DƯỚI 1000USD	50	2000
	C) INHERITANCE PROPERTY VALUED FROM 1000USD THỪA KẾ TÀI SẢN CÓ GIÁ TRỊ TỪ 1000USD TRỞ LÊN	2% OF THE PROPERTY VALUE, MAXIMUM 2500USD	
7	CITIZEN REGISTRATION CERTIFICATION CẤP GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ CÔNG DÂN	5	200
8	CONSULAR CERTIFICATION FEE LỆ PHÍ CHỨNG NHẬN LÃNH SỰ		
	A) CERTIFICATION OF STAMP, SIGNATURE CHỨNG NHẬN CON DẤU, CHỮ KÝ	1	40
	B) CERTIFICATION OF STAMP, SIGNATURE AND CONTENT OF THE DOCUMENT CHỨNG NHẬN CON DẤU, CHỮ KÝ VÀ NỘI DUNG VĂN BẢN	2	80
9	CONSULAR CERTIFICATION ACCORDING TO CITIZEN'S REQUEST CHỨNG NHẬN LÃNH SỰ THEO YÊU CẦU CỦA CÔNG DÂN	5	200

C	<u>FEES ON THE MATTERS OF CITIZENSHIP</u> LỆ PHÍ VỀ QUỐC TỊCH		
	ENTERING VIETNAMESE CITIZENSHIP NHẬP QUỐC TỊCH	150	6000
	RE-ENTER VIETNAMESE CITIZENSHIP TRỞ LẠI QUỐC TỊCH	150	6000
	RENUNCIATION OF VIETNAMESE CITIZENSHIP THÔI QUỐC TỊCH	150	6000
	CERTIFICATE OF VIETNAMESE CITIZENSHIP CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CÓ QUỐC TỊCH	35	1400
	CERTIFICATE OF THE TERMINATION OF VIETNAMESE CITIZENSHIP CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN MẤT QUỐC TỊCH	35	1400
D	<u>FEE ON PERSONAL REGISTRATION MATTERS</u> LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH		
1	BIRTH REGISTRATION KHAI SINH		
	REGISTRATION OF BIRTH ĐĂNG KÝ KHAI SINH	5	200
	OVERDUE REGISTRATION OF BIRTH ĐĂNG KÝ KHAI SINH QUÁ HẠN	5	200
	RE-REGISTRATION OF BIRTH ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC SINH	10	400
2	MARRIAGE KẾT HÔN		
	MARRIAGE REGISTRATION ĐĂNG KÝ KẾT HÔN	50	2000
	MARRIAGE RE-REGISTRATION ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC KẾT HÔN	100	4000
3	DEATH REGISTRATION KHAI TỬ		
	OVERDUE REGISTRATION OF DEATH ĐĂNG KÝ KHAI TỬ QUÁ HẠN	5	200
	RE-REGISTRATION OF DEATH ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC TỬ	10	400
4	CHILD ADOPTION NHẬN NUÔI CON NUÔI		
	REGISTRATION OF CHILD ADOPTION ĐĂNG KÝ NUÔI CON NUÔI	100	4000
	RE-REGISTRATION OF CHILD ADOPTION ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC NUÔI CON NUÔI	200	8000
5	REGISTRATION OF RECOGNITION OF PARENTAL RELATIONSHIP ĐĂNG KÝ VIỆC NHẬN CHA, ME, CON	100	4000
6	CORRECTION OF NAME, DATE OF BIRTH CẢI CHÍNH HỌ, TÊN, CHỮ ĐỆM, NGÀY THÁNG NĂM SINH	50	2000
7	REGISTRATION OF OTHER PERSONAL MATTERS CÁC VIỆC ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH KHÁC		
	- COPY OF DOCUMENTS FROM ORIGINAL RECORD CẤP BẢN SAO CÁC GIẤY TỜ HỘ TỊCH TỪ SỔ GỐC	1	40

	- CERTIFICATION FOR THE PURPOSES OF MARRIAGE, ADOPTION, GUARDIANSHIP AT FOREIGN COMPETENT AUTHORITIES CẤP, XÁC NHẬN GIẤY TỜ ĐỂ ĐĂNG KÝ KẾT HÔN, NUÔI CON NUÔI, GIÁM HỘ TẠI CÁC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN NƯỚC NGOÀI	50	2000
	- ISSUANCE, CERTIFICATION OF OTHER PERSONAL DOCUMENT CẤP, XÁC NHẬN GIẤY TỜ HỘ TỊCH KHÁC	5	200
	- RECORDING PERSONAL CHANGES DUE TO MARRIAGE, ADOPTION, GUARDIANSHIP, DIVORCE AND TERMINATION OF GUARDIANSHIP THAT HAVE BEEN REGISTERED TO FOREIGN AUTHORITIES GHI VÀO SỔ CÁC THAY ĐỔI VỀ HỘ TỊCH DO KẾT HÔN, NHẬN CON NUÔI, GIÁM HỘ, LY HÔN, VÀ CHẤM DỨT VIỆC NUÔI CON NUÔI ĐÃ ĐĂNG KÝ TẠI CÁC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN NƯỚC NGOÀI	5	200
	- RE-REGISTRATION FOR VIETNAMESE CITIZEN OF PERSONAL MATTERS THAT HAVE INCURRED ABROAD AND BEEN REGISTERED BY FOREIGN AUTHORITIES ĐĂNG KÝ LẠI CÁC SỰ KIỆN HỘ TỊCH XẢY RA Ở NƯỚC NGOÀI ĐÃ ĐƯỢC CƠ QUAN CỦA NƯỚC SỞ TẠI ĐĂNG KÝ CHO CÔNG DÂN NƯỚC NGOÀI	5	200
E	OTHER REGULATIONS:		
1.	EXTRA FEES FOR OVERTIME AND URGENT PROCEDURES (WHEN FILES HAS BEEN SUFFICIENT, EXCEPT CASES IN PART D.): THU LỆ PHÍ LÀM GẤP VÀ NGOÀI GIỜ NGOÀI MỨC QUY ĐỊNH (KHI HỒ SƠ ĐÃ HỢP LỆ, TRỪ MỤC D, ĐIỂM 3), THU THÊM: A. WHIN THIN 01 DAY (24H) – EXTRA FEE TRONG NGÀY (24 TIẾNG), THU THÊM:	30%	30%
	B. NEXT DAY (36H) – EXTRA FEE: NGÀY HÔM SAU, THU THÊM:	20%	20%
	C. OVERTIME, WEEKEND AND OTHER HOLIDAYS – EXTRA FEE: NGOÀI GIỜ LÀM VIỆC, NGÀY NGHỈ, NGÀY LỄ, THU THÊM:	30%	30%
2.	<u>FEE IS NOT REFUNDABLE IF THE APPLICANT REFUSE TO ACCEPT THE COMPLETED DOCUMENTS</u> <u>TIỀN LÊ PHÍ SẼ KHÔNG ĐƯỢC HOÀN TRẢ NẾU SAU ĐÓ ĐƯƠNG SỰ TỪ CHỐI KHÔNG NHẬN LẠI HỒ SƠ ĐÃ ĐƯỢC HOÀN TẤT</u>		

- Tỷ giá: 1USD = 40Baht

BANGKOK, THÁNG 6/2007
ĐẠI SỨ ĐẶC MỆNH TOÀN QUYỀN NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM
TẠI VƯƠNG QUỐC THÁI LAN
AMBASSADOR EXTRAORDINARY AND PLENIPOTENTIARY
OF THE S.R. VIETNAM IN THE KINGDOM OF THAILAND

NGUYỄN DUY HUNG